| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 24/2023/QĐST-HNGĐ | *Phú Thọ, ngày 31 tháng 5 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
## *V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

***Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:* Ông Phạm Văn Toàn

*Thư ký phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp:* Bà Bùi Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 160/2023/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Anh Nguyễn Trọng N - sinh năm 1986; nơi đăng ký thường trú: Thôn Ngọc Nhuế, xã T, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Chỗ ở hiện nay: 201 ho, Wolha-ro 555, Tongjin-eup, G, G, Hàn Quốc.

2. Chị Nguyễn Thị A – sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú: Thôn Ngọc Nhuế, xã T, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở hiện nay: Khu 10, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người được anh N và chị A ủy quyền nhận các văn bản tố tụng:

1. Chị Lê Thị Bình T, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm Bắc Châu, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm Đồng Hương, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

(Anh N, chị A, chị T, anh T đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

## NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

*Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 25/4/2023 và các lời khai tiếp theo, anh Nguyễn Trọng N và chị Nguyễn Thị A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị A đăng ký kết hôn ngày 01/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, anh chị có cuộc sống hòa thuận. Tháng

11/2016, anh N sang làm việc tại Hàn Quốc. Kể từ đó, anh chị bắt đầu thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sự khác biệt về quan điểm sống dẫn tới không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân khiến tình cảm hai vợ chồng không còn như trước. Dù đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng anh chị ngày càng cạn kiệt. Hiện nay, vợ chồng anh chị không còn tình cảm với nhau, nhận thấy hôn nhân của mình đã rơi vào bế tắc, mâu thuẫn đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài được nữa. Vì vậy, anh chị thống nhất làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh N và chị A xác nhận không có con chung.

- Về tài sản chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung và các nghĩa vụ khác: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí, lệ phí, chi phí tố tụng tại Tòa án: Anh chị thống nhất để chị A tự nguyện chịu toàn bộ án phí, lệ phí, chi phí tố tụng tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn này.

Anh Nguyễn Trọng N đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh

Chị Nguyễn Thị A có đơn từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung việc dân sự:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng N và chị Nguyễn Thị A;

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Anh chị xác định không có nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết;

Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị A tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:*

[1] Về tố tụng: Trong Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Nguyễn Trọng N và chị Nguyễn Thị A thể hiện anh N đang sinh sống tại Hàn Quốc có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Chị Nguyễn Thị A hiện đang cư trú

tại Khu 10, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Anh N và chị A có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị A đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, chị A và anh N đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải và mở phiên họp vắng mặt anh chị theo quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng N và chị Nguyễn Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 01/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Hưng Yên là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Sau đó, cuộc sống chung bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung lâm vào tình trạng trầm trọng. Hiện nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh N và chị A đều đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn. Việc anh N và chị A thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, xuất phát từ ý chí của cả hai bên, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Anh N và chị A xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung và công sức chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh N và chị A thống nhất để chị A tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự, cần được chấp nhận.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; các Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370, 371của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng N và chị Nguyễn Thị A.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và công sức chung: Anh Nguyễn Trọng N và chị Nguyễn Thị A xác định vợ, chồng không có nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị A tự nguyện xin chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí giải quyết việc dân sự và được trừ vào 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị A đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000508 ngày 15/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[4] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Phạm Văn Toàn**